

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 43/2019/DS - ST.

Ngày: 27-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lý
2. Ông Trần Văn Dá

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa:
Ông Dương Trung Kiên-Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vương Thị N (tên thường gọi L), sinh năm 1967, có mặt.
Địa chỉ: Số X, khóm Y, phường Z, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.
2. *Bị đơn:*
 - 2.1. Ông Nguyễn Quang T, vắng mặt.
 - 2.2. Bà Lâm Thị Ngọc A (tên thường gọi C), sinh năm 1956, có mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-5-2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Vương Thị N trình bày:

Ngày 17-4-2016, bà có cho vợ chồng bà Lâm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Quang T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà A đóng lãi được 17 tháng với số tiền 51.000.000 đồng. Đến ngày 28-5-2016 bà A vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, đóng lãi được 16 tháng với số tiền 20.000.000 đồng, cả hai khoản vay bà A đều ngưng đóng lãi từ ngày 17-9-2017 đến nay.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà A và ông T trả tiền vốn của 02 khoản vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi của 02 khoản tính từ ngày 17-9-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng theo pháp luật quy định.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 31-7-2019 và ngày 20-8-2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lâm Thị Ngọc A trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà N 02 lần với số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận vốn 150.000.000 đồng lãi 2%/tháng, vốn 50.000.000 đồng lãi 2,5%/tháng, thời gian vay vốn và số tiền bà đã trả lãi theo bà N trình bày nêu trên là đúng. Hiện bà còn nợ bà N số tiền vốn 150.000.000 đồng; còn khoản vay vốn 50.000.000 đồng bà đã trả đủ cho bà N, việc trả tiền không có làm giấy tờ cũng không ai chứng kiến. Theo tờ biên nhận bà N cung cấp ghi nội dung “Thiếu kiểm L 17-4-2016 150.000.000 một trăm năm chục triệu” đúng với nội dung hai bên thỏa thuận, chữ ký và ghi rõ họ tên Lâm Thị Ngọc A đúng là của bà, do không có khả năng nên bà chưa trả nợ cho bà N. Vay tiền bà sử dụng chung cho gia đình và nuôi heo, tại thời điểm vay tiền chồng bà ông T còn chung sống với gia đình nhưng không biết việc bà vay, đến khi bà mua heo về nuôi thì ông T mới biết.

Tại phiên tòa bà đồng ý trả cho bà N tiền vốn 150.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng và yêu cầu bà N không tính lãi nữa, do bà không còn khả năng.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với ông Tiến chưa chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà N, buộc ông T và bà A liên đới trả tiền vốn vay 200.000.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn bà Lâm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Quang T có nơi cư trú tại ấp K, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà N và bị đơn bà A thống nhất trình bày vào ngày 17/4/2016 âl, bà A có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; đến ngày 28/5/2016 bà A vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng; sau khi vay bà A trả lãi của 02 khoản với số tiền 71.000.000 đồng thì ngưng trả lãi từ ngày 17/9/2017 đến nay, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Bà N yêu cầu bà A và ông T trả cho bà tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi của 02 khoản vay tính từ ngày 17/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi 20%/năm. Nhưng bị đơn bà A cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ của bà N số tiền vốn 150.000.000 đồng; còn khoản vay 50.000.000 đồng bà đã trả đủ cho bà N, việc trả vốn không làm giấy tờ, không người chứng kiến; nhưng bà N không thừa nhận thì ngoài lời trình bày ra bà A cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh, nên Tòa án xác định bà A còn nợ bà N tiền vốn 200.000.000 đồng (gồm 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng) là có cơ sở.

[4] Đối với tiền lãi, nguyên đơn bà N yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật mức 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng của tiền vốn 200.000.000 đồng là phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi được tính như sau: Thời gian từ ngày 17-9-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24 tháng 10 ngày x 200.000.000 đồng x 1,66% = 80.786.666 đồng. Còn bị đơn bà A xin lãi không phù hợp, vì bà N không đồng ý. Riêng tiền lãi bà A đã trả cho bà N theo thỏa thuận, do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Đối với ông T chồng bà A không trực tiếp vay tiền nhưng tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà A vay mục đích sử dụng chung gia đình nên ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà A trả nợ cho bà N là phù hợp với khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định “Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”. Khoản 2 Điều 37 Luật

hôn nhân và gia đình quy định “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà N, buộc bị đơn bà A và ông T có nghĩa vụ trả cho bà N tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi 80.786.666 đồng; tổng cộng 280.786.666 đồng.

[7] Toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bà A và ông T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn ($280.786.666 \text{ đồng} \times 5\% = 14.039.333 \text{ đồng}$) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị N.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vương Thị N số tiền vay vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi 80.786.666 đồng. Tổng cộng 280.786.666 đồng (Hai trăm tám mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2). Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lâm Thị Ngọc A và ông Nguyễn Quang T liên đới chịu 14.039.333 đồng (mười bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn trả cho bà Vương Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), theo lai thu số 0008204 ngày 04-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Tiến vắng mặt được tính từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Nam